

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 422/QĐ-CĐBT,

Ngày 29 tháng 6 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Bến Tre)

Tên ngành: Quản trị kinh doanh

Mã ngành: 6340404

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương

Thời gian đào tạo: 2,5 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân cao đẳng Quản trị kinh doanh đáp ứng các yêu cầu sau:

- Có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và có sức khỏe tốt;
- Có kiến thức cơ bản về kinh tế, chính trị, xã hội;
- Có kiến thức chuyên môn về quản trị ở các doanh nghiệp;
- Có kỹ năng thực hành nghề nghiệp trong lĩnh vực kinh doanh;
- Có ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp, khả năng tự học theo yêu cầu công việc.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức

- Có kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Hiến Pháp; Pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; đường lối phát triển kinh tế của Đảng, thành tựu và định hướng phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; có hiểu biết cơ bản về công tác quốc phòng toàn dân, dân quân tự vệ;

- Có kiến thức nền tảng về quản trị kinh doanh như kinh tế học, quản trị học, lý thuyết tài chính – tiền tệ, marketing căn bản,...;

- Có kiến thức chuyên sâu về quản trị doanh nghiệp trong các công tác như marketing, tài chính, sản xuất, nhân sự, chất lượng, chiến lược, bán hàng, xuất nhập khẩu, khởi sự kinh doanh và quản trị điều hành các loại hình doanh nghiệp trong nền kinh tế nhằm vận dụng vào thực tiễn công việc.

1.2.2. Kỹ năng

- Lập kế hoạch về sản xuất kinh doanh phù hợp với từng loại hình doanh nghiệp;
- Phân tích được hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp;
- Lập được báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp;
- Xử lý thông tin kinh tế về hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị để phục vụ theo yêu cầu lãnh đạo và quản lý kinh tế ở đơn vị và các cơ quan quản lý có liên quan;
- Xây dựng, thẩm định và quản lý dự án đầu tư;

- Tham mưu cho lãnh đạo doanh nghiệp những ý kiến cải tiến công tác quản trị doanh nghiệp phù hợp với từng thời kỳ kinh doanh;
- Thiết lập mối quan hệ giữa doanh nghiệp với các đối tác;
- Có kỹ năng hoạt động độc lập và phối hợp hoạt động theo nhóm; kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, soạn thảo văn bản, khai thác thông tin trên internet và sử dụng các phần mềm hỗ trợ trong công việc.

1.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Có đạo đức, yêu nghề và có lương tâm nghề nghiệp;
- Có ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong làm việc khoa học, nghiêm túc, linh hoạt trong công việc;
- Thái độ cởi mở, thân tình với khách hàng, đối tác kinh doanh, sẵn sàng phục vụ khách hàng;
- Tinh thần hợp tác làm việc nhóm, thái độ thiện chí trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến công việc và đối tác;
- Có tinh thần tự học, tự nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ ứng dụng nhu cầu của công việc.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp chuyên ngành quản trị kinh doanh, người học có khả năng tìm được việc làm ở các vị trí nhân viên kinh doanh, nhân viên marketing, nhân viên xuất nhập khẩu, nhân viên văn phòng, nhân viên kế hoạch, nhân viên chăm sóc khách hàng, chuyên viên nhân sự, quản lý chuỗi cung ứng, quản lý bán hàng,... tại các doanh nghiệp sản xuất, thương mại và dịch vụ. Ngoài ra, người học có khả năng khởi nghiệp bằng các dự án hoặc cơ sở kinh doanh mới.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

- Số lượng môn học, mô đun: 35
- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 2.460 giờ
- Khối lượng các môn học chung: 435 giờ
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn ngành: 2.025 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 750 giờ
- Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1.609 giờ và kiểm tra: 101 giờ.
- Thời gian khóa học: 2,5 năm; 5 học kỳ

3. Nội dung chương trình

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ bài tập/ thảo luận	Kiểm tra
I	Các môn học chung	20	435	145	268	22
6M0021	Giáo dục chính trị	4	75	41	29	5
6M0022	Pháp luật	2	30	18	10	2
6M0023	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
6M0024	Giáo dục QP và AN	4	75	36	35	4
6M0025	Tin học	3	75	15	58	2
6M0026	Tiếng Anh	5	120	30	85	5
II	Các môn học, mô đun chuyên môn ngành					
II.1	Môn học, mô đun cơ sở	24	480	230	226	24
6M0032	Toán kinh tế	3	60	30	27	3
6M0701	Kinh tế vi mô	3	60	30	27	3
6M0702	Kinh tế vĩ mô	3	60	30	27	3
6M0705	Soạn thảo văn bản	2	45	15	28	2
6M0706	Marketing căn bản	2	45	15	28	2
6M0707	Quản trị học	3	60	30	27	3
6M0601	Luật kinh tế	2	30	20	8	2
6M1201	Lý thuyết tài chính – tiền tệ	3	60	30	27	3
6M0602	Nguyên lý kế toán	3	60	30	27	3
II.2	Môn học, mô đun chuyên môn ngành	57	1.455	345	1.059	51
6M0710	Thống kê kinh doanh	3	75	15	57	3
6M0711	Kế toán doanh nghiệp thương mại	3	75	15	57	3
6M0712	Quản trị tài chính	4	90	30	56	4
6M0713	Quản trị chất lượng	3	60	30	27	3
6M0714	Quản trị nguồn nhân lực	3	75	15	57	3
6M0715	Quản trị Marketing	3	75	15	57	3
6M0716	Quản trị chiến lược	3	75	15	57	3

6M0717	Tiếng Anh chuyên ngành QTKD	3	60	30	27	3
6M0718	Nghệ vụ kinh doanh xuất nhập khẩu	3	60	30	27	3
6M0719	Quản trị sản xuất và tác nghiệp	3	75	15	57	3
6M0720	Quản trị dự án đầu tư	3	75	15	57	3
6M0721	Quản trị bán hàng	3	75	15	57	3
6M0723	Thuế	3	75	15	57	3
6M0724	Thương mại điện tử	3	60	30	27	3
6M0725	Quản trị văn phòng	3	60	30	27	3
6M0603	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	75	15	57	3
6M0727	Tin học ứng dụng trong kinh doanh	2	45	15	28	2
6M0728	Thực tập tốt nghiệp	6	270	0	270	0
II.3	Môn học, mô đun tự chọn	4	90	30	56	4
6M0704	Kỹ năng giao tiếp	2	45	15	28	2
6M0625	Thị trường chứng khoán*	2	45	15	28	2
6M0824	Nghệ thuật thương lượng và đàm phán trong kinh doanh	2	45	15	28	2
6M0726	Khởi tạo doanh nghiệp*	2	45	15	28	2
Tổng cộng		105	2.460	750	1.609	101

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

4.1. Các môn học chung bắt buộc: Do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội phối hợp với các Bộ/ngành tổ chức xây dựng và ban hành để áp dụng thực hiện.

4.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa

- Học tập nội quy, quy chế và giới thiệu nghề nghiệp cho HSSV khi mới nhập trường; Học tập tuần công tác HSSV;

- Tổ chức tham quan, thực nghiệm tại các doanh nghiệp sản xuất; thương mại và dịch vụ;

- Tham gia các hoạt động hỗ trợ khác để rèn luyện HSSV;

- Thời gian và nội dung hoạt động giáo dục ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa như sau:

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao:	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hóa, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện: Ngoài giờ học sinh, sinh viên có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Đi thực tế	Theo thời gian bố trí của giảng viên và theo yêu cầu của môn học, mô-đun

4.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học, mô-đun

- Căn cứ Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13 tháng 03 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Quy chế đào tạo ban hành kèm Quyết định số 790/QĐ-CĐBT ngày 24 tháng 09 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Cao Đẳng Bến Tre quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; Các môn học chung thực hiện kiểm tra đánh giá theo Chương trình môn học, mô-đun do Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành.

- Thời gian tổ chức kiểm tra hết môn học, mô-đun được thực hiện kết thúc môn học, mô-đun.

- Thời gian tổ chức kiểm tra lại môn học, mô-đun được thực hiện ở học kỳ hè.

- Hình thức và phương pháp kiểm tra đánh giá môn học, mô-đun được xác định cụ thể và có hướng dẫn trong chương trình từng môn học, mô-đun (*chương trình MH, MD chi tiết kèm theo*).

4.4. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp

- Người học phải học hết chương trình đào tạo trình độ cao đẳng Quản trị kinh doanh và phải tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo theo Quyết định số 790/QĐ-CĐBT ngày 24 tháng 9 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Bến Tre; có chứng chỉ Tin học ứng dụng cơ bản, chứng chỉ tiếng Anh bậc 2 theo khung 6 bậc Việt Nam.

- Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả tích lũy của người học để quyết định việc công nhận tốt nghiệp cho người học.

- Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp để cấp bằng tốt nghiệp và công nhận danh hiệu Cử nhân thực hành cho người học.

4.5. Các chú ý khác

- Thực tập tốt nghiệp:

+ Thời gian và nội dung theo chương trình khung;

+ Trường căn cứ vào khung chương trình, xây dựng đề cương báo cáo thực tập.

HIỆU TRƯỞNG



TS. Nguyễn Văn Huân

**SƠ ĐỒ MỐI QUAN HỆ VÀ TIỀN TRÌNH ĐÀO TẠO CÁC MÔN HỌC,
MÔ ĐUN TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Tên ngành: Quản trị kinh doanh

Mã ngành: 6340404 - Trình độ đào tạo: Cao đẳng

	HỌC KỲ 1 23TC (465 giờ)	HỌC KỲ 2 22TC (495 giờ)	HỌC KỲ 3 22TC (480 giờ)	HỌC KỲ 4 20TC(465 giờ)	HỌC KỲ 5 18 TC (555 giờ)
Các môn học chung	GD chính trị 4TC (75 giờ)	Pháp luật 2TC (30 giờ)	GDQP và AN 4TC (75 giờ)	GD thể chất 2TC (60 giờ)	Tin học 3TC (75 giờ)
				Tiếng Anh 5TC (120 giờ)	Luật kinh tế 2TC (30 giờ)
Các môn học, mô-đun chuyên môn	Toán kinh tế 3TC (60 giờ)	LT TC-TT 3TC (60 giờ)	Quản trị tài chính 4TC (90 giờ)	Phân tích HĐKD 3TC (75 giờ)	Quản trị chiến lược 3TC (75 giờ)
	Kinh tế vi mô 3TC (60 giờ)	Kinh tế vĩ mô 3TC (60 giờ)	Thương mại điện tử 3TC (60 giờ)	Quản trị bán hàng 3TC (75 giờ)	NVKD XNK 3TC (60 giờ)
	Marketing căn bản 2TC (45 giờ)	Quản trị học 3TC (60 giờ)	Quản trị nguồn nhân lực 3TC (75 giờ)	Quản trị chất lượng 3TC (60 giờ)	Quản trị dự án đầu tư 3TC (75 giờ)
	Soạn thảo văn bản 2TC (45 giờ)	Nguyên lý kế toán 3TC (60 giờ)	Quản trị văn phòng 3TC (60 giờ)	Thuế 3TC (75 giờ)	Quản trị SX và tác nghiệp 3TC (75 giờ)
		Thống kê kinh doanh 3TC (75 giờ)	Kế toán DN thương mại 3TC (75 giờ)	Quản Trị marketing 3TC (75 giờ)	Thực tập tốt nghiệp 6TC (270 giờ)
			TH UD trong KD 2TC (45 giờ)	Tiếng Anh CN QTKD 3TC (60 giờ)	
Các môn học, mô-đun tự chọn			Kỹ năng giao tiếp 2TC (45 giờ)	NT thương lượng và ĐP trong KD 2TC (45 giờ)	
			Thị trường chứng khoán* 2TC (45 giờ)	Khởi tạo doanh nghiệp* 2TC (45 giờ)	